

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2021/HC-PT

Ngày: 12/5/2021

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 158/2021/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành, hành vi hành chính chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 61/2020/HC- ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1074/2021/QĐPT-HC ngày 12 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Thủy Ngọc H

Địa chỉ: Tổ 1, thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam: Ông Nguyễn Trường S – Phó giám đốc Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam. Vắng.

2. Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng.

3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chủ tịch UBND xã B, huyện T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Ông Nguyễn B1, sinh năm 1950. Có mặt.
3. Ông Nguyễn M, sinh năm 1973. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
4. Ông Võ Nhật L, sinh năm 1964. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
5. Bà Phùng Thị C, sinh năm 1958. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, thôn 4, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Thủy Ngọc H trình bày:

Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi đã ảnh hưởng đến phần lớn đất sản xuất nông nghiệp của gia đình ông H, với tổng diện tích $4297,5m^2$, trong đó gia đình ông H đã được bồi thường $2743,8m^2$, số diện tích còn lại $1553,7m^2$ gia đình ông H không được bồi thường, gồm các thửa 79, 80, 81, 88, 89, tờ bản đồ số 4. Năm 2006 thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa của Nhà nước, gia đình ông H đã nhận 05 thửa đất này để sản xuất, 05 thửa đất này có nguồn gốc sử dụng của các hộ cùng đội sản xuất (*Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 1997*). Ngược lại, gia đình ông H đã giao đất của mình cho các hộ khác theo chủ trương dồn điền đổi thửa. Do đó, diện tích đất ông H sử dụng phải được tính nguồn gốc từ năm 1997 và phải được bồi thường theo luật định. Đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 4 do gia đình ông H khai hoang năm 1983, đến năm 2009 do nhu cầu của địa phương nên ông H tạm cho mượn diện tích đất này để mở rộng sân bóng đá. Đến nay, diện tích đất này bị ảnh hưởng bởi dự án đường cao tốc thì gia đình ông H phải được hưởng xem xét công sức khai phá, bồi trừc để được bồi thường. Vì những căn cứ nêu trên, ông H đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về giải quyết đơn khiếu nại của ông Thủy Ngọc H (lần đầu); hủy Quyết định số 988/QĐ - UBND ngày 17/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về giải quyết khiếu nại của ông Thủy Ngọc H, trú tại: Tổ 1, thôn 4, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (lần hai); buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện việc thu hồi và bồi thường đối với diện tích đất của hộ ông Thủy Ngọc H, thuộc các thửa: Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 4, diện tích $411,2m^2$; thửa đất số 80, tờ bản đồ số 4, diện tích $355m^2$; thửa đất số 81, tờ bản đồ số 4, diện tích $415,3m^2$; thửa đất số 89, tờ bản đồ số 4, diện tích $266,2m^2$; thửa đất số 88, tờ bản đồ số 4, diện tích $106m^2$ và thửa đất số 32, tờ bản đồ số 04, diện tích: $750m^2$ tại địa chỉ: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Tại Văn bản số 137/UBND-TNMT ngày 19/2/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Thửa đất 32, tờ bản đồ số 04, diện tích $750m^2$ ông Thủy Ngọc H khiếu nại có nguồn gốc do ông khai hoang năm 1983 để trồng cây hàng năm, năm 2009 ông không sử dụng và để cho thanh niên làm sân bóng đá của thôn đến khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Không có cơ sở để xem xét công khai hoang và bồi trừc để thu hồi và bồi thường cho ông H đối với thửa đất này vì theo quy định của

pháp luật chi bồi thường, hỗ trợ công bồi trúc trong trường hợp đất được nhà nước giao hoặc cho thuê.

Các thửa đất 79, 80, 81, 89, cùng tờ bản đồ số 4 khi thực hiện dồn điền đổi thửa được quy đổi thành đất do UBND xã B quản lý. Hộ ông Thủy Ngọc H chiếm đất và sử dụng từ năm 2006 đến thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án.

Thửa 88 tờ bản đồ số 04 diện tích $106,9m^2$ theo hồ sơ địa chính Nghị định 64/CP là thửa đất số 351, tờ bản đồ số 3 do UBND xã B kê khai, đăng ký. Năm 1996, ông Nguyễn Công khai hoang, sử dụng đến năm 2005. Hộ ông Thủy Ngọc H chiếm đất và sử dụng từ năm 2006 đến thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án.

Năm 2006, khi thực hiện chủ trương dồn điền, đổi thửa thì hộ ông H có 06 thửa đất được dồn diện tích $4.715m^2$ và thửa đất 216 diện tích $495m^2$ không dồn điền đổi thửa. Sau khi dồn điền đổi thửa diện tích ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích $5.309m^2$, tăng $338m^2$ so với diện tích thực nhận do đo thực tế.

Các thửa đất 79, 80, 81, 88, 89, cùng tờ bản đồ số 4 do UBND xã B quản lý, chứ không phải đất giao cho ông H theo chủ trương dồn điền đổi thửa nên không có cơ sở bồi thường, hỗ trợ cho ông H khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Do vậy, Quyết định 2884/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Thủy Ngọc H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 03/UBND –ĐC ngày 09/3/2020 của UBND xã B và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND xã B trình bày:

Thửa đất 32, tờ bản đồ số 04, diện tích $750m^2$ ông Thủy Ngọc H khiếu nại có nguồn gốc do ông khai hoang năm 1983 để trồng cây hằng năm, năm 2009 ông không sử dụng và để cho thanh niên làm sân bóng đá của thôn đến khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án

Thửa đất số 79 tờ bản đồ số 4 diện tích $411,2m^2$ theo hồ sơ địa chính Nghị định 64/CP của Chính phủ là thửa 353, tờ bản đồ 03, diện tích $385m^2$, loại đất trồng lúa đã cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn B1. Hộ ông Thủy Ngọc H chiếm đất và sử dụng từ năm 2006 đến thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án.

Thửa 80 tờ bản đồ số 04 diện tích $355m^2$ theo hồ sơ địa chính Nghị định 64/CP của chính phủ là thửa 352, tờ bản đồ số 3, diện tích $520m^2$, loại đất trồng lúa đã cấp GCNQSD đất cho hộ bà Thủy Thị Th1. Hộ ông Thủy Ngọc H chiếm đất và sử dụng từ năm 2006 đến thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án.

Thửa 81 tờ bản đồ số 04 diện tích $415,3m^2$ theo hồ sơ địa chính Nghị định 64/CP của chính phủ là thửa 350, tờ bản đồ số 3, diện tích $455m^2$, loại đất trồng lúa đã cấp GCNQSD đất cho hộ ông Võ Nhật L. Hộ ông Thủy Ngọc H chiếm đất và sử dụng từ năm 2006 đến thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án.

Thửa 89, tờ bản đồ số 4, diện tích $266,2m^2$ theo hồ sơ địa chính Nghị định 64/CP của chính phủ là thửa 349, tờ bản đồ số 3, diện tích $360m^2$, loại đất trồng

lúa đã cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn B1. Hộ ông Thủy Ngọc H chiếm đất và sử dụng từ năm 2006 đến thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án.

Thửa 88 tờ bản đồ số 04 diện tích 106,9m² theo hồ sơ địa chính Nghị định 64/CP là thửa đất số 351, tờ bản đồ số 3 do UBND xã B kê khai, đăng ký. Năm 1996, ông Nguyễn Công khai hoang, sử dụng đến năm 2005. Hộ ông Thủy Ngọc H chiếm đất và sử dụng từ năm 2006 đến thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn B1 trình bày: Trước khi thực hiện dồn điền đổi thửa hộ ông sử dụng thửa 79, diện tích 411m² và thửa 89 diện tích 266m², đã được cấp GCNQSD đất. Khi dồn điền đổi thửa thì thực hiện phân lô bóc thăm, ai bóc được lô nào thì sử dụng lô đó, đất tốt thì diện tích ít, đất xấu thì diện tích nhiều hơn, hai thửa đất ông sử dụng là đất xấu nên không ai nhận, ông H nhận sản xuất. UBND cho là đất 5% là không đúng vì 2 thửa đất này còn nằm trong GCNQSD đất của ông chưa được điều chỉnh do GCNQSD đất của ông. Đến khi thực hiện dự án đường cao tốc ông H vẫn đang sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhiên trình bày: Thửa đất số 80, diện tích 355m² mẹ ông là bà Thủy Thị Th1 được giao và đã được cấp GCNQSD đất và giao cho vợ chồng ông sử dụng từ năm 1995. Năm 2006, thực hiện dồn điền đổi thửa thì giao cho ông H sử dụng là đất lúa, ông H sử dụng đến khi làm đường cao tốc. Ông không biết ông H được nhận bao nhiêu đất khi dồn điền đổi thửa. Việc thực hiện dồn điền đổi thửa theo dự án của UBND xã thì đất tốt (*Là đất đã cải tạo*) thì trước đây nhận 1 sào, khi dồn điền đổi thửa còn lại 470m², đất sát kênh N14 giữ nguyên 500m², đất xấu thì giao nhiều hơn một sào thành 530m², khu vực ông H nhận đất là đất xấu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Nhật L trình bày: Trước khi dồn điền đổi thửa hộ gia đình ông sử dụng thửa đất số 81, diện tích 415m², đã được cấp GCNQSD đất. Khi dồn điền đổi thửa thì diện tích đất này giao cho ông H sử dụng và ở trước nhà ông H, mục đích của dồn điền đổi thửa là cho liên canh, liên cư để dễ sản xuất và quản lý. Khi thực hiện dồn điền đổi thửa thì đất đã cải tạo trước đây 1 sào thì dồn điền đổi thửa giảm xuống còn 470-480m², còn đất ruộng dọc (*Tam cấp ít*) thì giữ nguyên, đất ruộng bậc thang cao thấp, chằng chéo nhiều thì bù thêm diện tích. Ông không biết khi dồn điền đổi thửa ông H được giao bao nhiêu đất và cũng không biết thửa đất này là đất 5% của xã, ông L khẳng định thửa đất này trước khi dồn điền đổi thửa ông sử dụng và sau dồn điền đổi thửa ông H sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị C: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 61/2020/HC- ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, 4 Điều 3, khoản 3, 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 2, 3 Điều 116, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 18, Điều 21, Điều 28, Điều 31, Điều 40, Điều 50 Luật khiếu nại 2011;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thủy Ngọc H:

- Hủy một phần Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và một phần Quyết định số 988/QĐ - UBND ngày 17/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về yêu cầu bồi thường đối với yêu cầu bồi thường thửa đất số 32, tờ bản đồ số 4, diện tích 750m², tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường, hỗ trợ công sức tôn tạo, duy trì cho hộ ông Thủy Ngọc H đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 4, diện tích 750m² tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 18/12/2020, người khởi kiện ông Thủy Ngọc H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

* Tại phiên tòa:

Người khởi kiện ông Thủy Ngọc H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định thủ tục tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, ông Thủy Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng; nhận thấy:

[1]. Để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi theo Quyết định số 2656/QĐ-BGTVT ngày 10-9-2010 của Bộ Giao thông vận tải và thực hiện Thông báo số 203/TB-UBND ngày 21-10-2013 của UBND tỉnh Quảng Nam; năm 2013, UBND huyện T thu hồi đất của hộ ông Thủy Ngọc H đang quản lý, sử dụng; trong đó, thu hồi các thửa đất gồm: các thửa số 79, 80, 81, 88 và 89, tờ bản đồ số 4, do ông Thủy Ngọc H sử dụng từ năm 2006 đến thời điểm thực hiện Dự án và thu hồi thửa số 32, tờ bản đồ số 4, do ông Thủy Ngọc H khai hoang năm 1983, đến năm 2009 ông Thủy Ngọc H cho thanh niên thôn 4, xã B, huyện T mở rộng làm sân bóng đá.

Do UBND huyện T thu hồi đất nhưng không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, nên ông Thủy Ngọc H khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện T giải quyết

bằng Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 09-11-2015. Ông Thủy Ngọc H tiếp tục khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam giải quyết bằng Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 17-3-2016.

Không đồng ý với hai quyết định nêu trên, ông Thủy Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 2884/QĐ-UBND ngày 09-11-2015 của Chủ tịch UBND huyện T và hủy Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 17-3-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam; buộc thực hiện việc thu hồi và bồi thường đối với diện tích đất mà gia đình ông bị thiệt hại bởi Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1]. Đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 4, diện tích 750 m²:

Theo hồ sơ Nghị định số 64/CP, thì diện tích đất này là một phần của thửa số 5, diện tích 9.215 m² (loại đất hoang) và thửa số 70, diện tích 575 m² (loại đất màu) do UBND xã B quản lý, sử dụng. Theo hồ sơ đo mới phục vụ công tác giải phóng mặt bằng Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (đoạn qua xã B) thì diện tích đất này là một phần của thửa đất số 32, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.075 m², loại đất BCS (đất bằng chưa sử dụng) do UBND xã B quản lý.

Căn cứ Biên bản họp giải quyết đơn khiếu nại ngày 04-6-2015 và kết quả họp Hội đồng tư vấn ngày 13-10-2015 về việc xác định nguồn gốc đất xã B, thì diện tích đất này có nguồn gốc do ông Thủy Ngọc H khai hoang từ năm 1983 để trồng cây hàng năm. Đến năm 2009, ông Thủy Ngọc H không sử dụng và thanh niên thôn 4, xã B đã sử dụng để làm sân bóng đá cho đến khi bị ảnh hưởng bởi Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; ông H cho rằng vào năm 2009, gia đình ông cho thanh niên thôn 4 mượn diện tích đất này để làm sân bóng đá của thôn, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ, thì việc sử dụng đất của ông Thủy Ngọc H không ổn định và tại thời điểm thực hiện Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (năm 2013), hộ ông Thủy Ngọc H không sử dụng đất đã hơn 05 năm. Do đó căn cứ điểm 3.10 khoản 3 Điều 10 của Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định về những trường hợp thu hồi đất không được bồi thường gồm: *“Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối không được sử dụng trong thời hạn mười hai tháng liền...”*. Căn cứ vào các quy định đã nêu, thì hộ ông Thủy Ngọc H không đủ điều kiện để được bồi thường về đất; do đó, UBND huyện T không giải quyết bồi thường đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 4, có diện tích 750 m² cho ông Thủy Ngọc H là có căn cứ. Tuy nhiên, xét thấy ông H có công sức khai hoang, tôn tạo, sử dụng, duy trì thửa đất này từ năm 1983 đến năm 2009 nên án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam bồi thường hỗ trợ công sức tôn tạo, duy trì thửa đất số 32, tờ bản đồ số 4, diện tích 750m² nêu trên từ năm 1983 đến năm 2009 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Đối với các thửa đất số 79, 80, 81 và 89, tờ bản đồ số 4:

Theo hồ sơ Nghị định 64/CP và Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 02/11/2020 của UBND xã B thì thửa đất số 79, 89, 80, 81 tờ bản đồ số 4, do các hộ dân kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn B1 kê khai, đăng ký thửa 353 (thửa 79) và thửa 349 (thửa 89); hộ bà Thủy Thị Th1 kê khai, đăng ký thửa 352 (thửa 80) và hộ ông Võ Nhật L kê khai, đăng ký thửa 350 (thửa số 81). Đến năm 2006, xã B thực hiện chủ trương dồn điền, đổi thửa thì các thửa đất nêu trên không cấp đổi cho hộ nào mà do UBND xã B quản lý.

- Đồng thời theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông B1 thể hiện sau khi dồn điền, đổi thửa thì các thửa đất ông B1 được cấp trước đó được gạch bỏ, trong đó có thửa 353 (thửa 79) và thửa 349 (thửa 89); ngoài ra qua xác minh tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T – phòng giao dịch Kế Xuyên thể hiện hộ ông B1 chỉ vay thế chấp tại Ngân hàng đối với thửa số 71, không liên quan đến các thửa 353 (thửa 79) và thửa 349 (thửa 89).

- Các hộ ông Nguyễn B1, Thủy Thị Th1 và hộ ông Thủy Ngọc H đã được UBND huyện T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/10/2013; trong đó hộ ông H chỉ được cấp 02 thửa (thửa 29, thửa 234, tờ bản đồ số 8), với diện tích 5.309m², không có các thửa số 79, 80, 81 và 89.

Tuy từ năm 2006, ông H sử dụng các thửa đất nêu trên cho đến khi thực hiện Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Nam, nhưng diện tích đất này không được Nhà nước cấp quyền sử dụng, mà do Nhà nước quản lý. Do đó, án sơ thẩm căn cứ khoản 7 Điều 10 Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam, về các trường hợp không bồi thường về đất khi thu hồi, để bác yêu cầu khởi kiện yêu cầu bồi thường giá trị đất các thửa số 79, 80, 81 và 89 nêu trên là có căn cứ.

[2.3]. Đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ số 4, diện tích 106,9 m²:

Theo hồ sơ Nghị định số 64/CP, thì đây là thửa đất số 351, tờ bản đồ số 3, diện tích 106,9 m², loại đất hoang (nay thửa đất số 88). Năm 1996, ông Nguyễn Công (cha ông Nguyễn Văn Đồng) khai hoang và sử dụng đến năm 2005 thì bỏ hoang. Ông Thủy Ngọc H tiếp tục sử dụng thửa đất nêu trên từ năm 2006 cho đến khi bị ảnh hưởng bởi Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Hiện tại, thửa đất này đang có tranh chấp giữa ông Thủy Ngọc H và ông Nguyễn Văn Đồng. Tại Biên bản giải quyết số 28/BB ngày 08-7-2015, UBND xã B tiến hành làm việc với hai hộ, có nội dung “... *Thửa đất nay đang tranh chấp nên không giải quyết đền bù...*”. Tuy nhiên, ông Thủy Ngọc H không đồng ý với việc giải quyết của UBND xã B; do đó, UBND huyện T xác định việc xem xét bồi thường đối với thửa đất này sẽ được thực hiện sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp về đất đai giữa hộ ông Nguyễn Văn Đồng và ông Thủy Ngọc H là có cơ sở.

[3]. Từ những phân tích tại mục [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thủy Ngọc H; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì ông Thủy Ngọc H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xét miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng Hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Thủy Ngọc H; giữ nguyên án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thủy Ngọc H:

- Hủy một phần Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và một phần Quyết định số 988/QĐ - UBND ngày 17/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về yêu cầu bồi thường đối với yêu cầu bồi thường thửa đất số 32, tờ bản đồ số 4, diện tích 750m², tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường, hỗ trợ công sức tôn tạo, duy trì cho hộ ông Thủy Ngọc H đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 4, diện tích 750m² tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Thủy Ngọc H về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện việc thu hồi và bồi thường đối với diện tích đất thuộc các thửa: Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 4, diện tích 411,2m²; thửa đất số 80, tờ bản đồ số 4, diện tích 355m²; thửa đất số 81, tờ bản đồ số 4, diện tích 415,3m²; thửa đất số 89, tờ bản đồ số 4, diện tích 266,2m²; thửa đất số 88, tờ bản đồ số 4, diện tích 106m² và thửa đất số 32, tờ bản đồ số 04, diện tích: 750m² tại địa chỉ: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Thủy Ngọc H.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng (theo Đ/c)
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào